

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST

Ngày 05/9/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly  
hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Tuấn Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Đinh Thị Hạnh
- Bà Ma Thị Thu Loan

*Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Đức Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 05/9/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2024 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 05/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 49a/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị L, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

- *Bị đơn:* Anh Bàn Văn C, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

*(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Triệu Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bàn Văn Chung kết H năm 2001 và đăng ký kết hôn tại UBND T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Trước khi kết hôn được tự do

tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân anh chị sinh sống tại thôn K, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của vợ chồng ban đầu hạnh phúc; đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã xô xát. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Nay chị xác định mình không còn tình cảm gì với anh Bàn Văn C, mâu thuẫn không hòa giải được; đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn C.

Về con chung: Anh chị có ba con chung là Bàn Thị H1, sinh ngày 27/10/2002; Bàn Thu H2, sinh ngày 29/01/2005 và Bàn Quang D, sinh ngày 16/7/2010. Hiện cháu D đang ở với anh C; khi ly hôn chị nhất trí để anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bàn Quang D; về cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu Bàn Thị H1 và Bàn Thu H2 hiện nay đã trưởng thành, đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Hoàng Văn H3 trốn tránh, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến.

*Theo bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn anh Bàn Văn C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Triệu Thị Liên kết H4 năm 2001 và đăng ký kết hôn tại UBND T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau ngày cưới anh chị sinh sống tại thôn K, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, thi thoảng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh uống rượu say có xảy ra cãi vã và xô xát với chị L. Đến đầu năm 2024 thì chị L đi làm công ty nên từ đó vợ chồng sống ly thân. Nay chị Triệu Thị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của anh là không nhất trí ly hôn vì anh xác định bản thân mình vẫn còn tình cảm với vợ, mâu thuẫn phát sinh chưa đến mức trầm trọng để ly hôn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương hòa giải cho vợ chồng anh đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái. Trường hợp chị Triệu Thị L kiên quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh chị có ba con chung là Bàn Thị H1, sinh ngày 27/10/2002; Bàn Thu H2, sinh ngày 29/01/2005 và Bàn Quang D, sinh ngày 16/7/2010. Hiện cháu D đang ở với anh; trường hợp nếu vợ chồng ly hôn thì anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bàn Quang D; anh không đề nghị chị Triệu Thị L cấp dưỡng. Cháu Bàn Thị H1 và Bàn Thu H2 hiện nay đã trưởng thành, đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “Ly hôn, tranh

*chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị L, xử cho chị Triệu Thị L được ly hôn với anh Bàn Văn C. Về con chung giao cháu Bàn Quang D, sinh ngày 16/7/2010 cho anh Bàn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Triệu Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: không đề nghị, nên không xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm chị Triệu Thị L phải chịu toàn bộ phần án phí, anh Bàn Văn C không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Triệu Thị L và anh Bàn Văn Chung kết H tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Bàn Văn C là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Anh Bàn Văn C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Triệu Thị L, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị L và anh C xác định: Chị Triệu Thị L và anh Bàn Văn C đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị làm ăn sinh sống tại thôn K, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của anh chị bình thường, cũng có lúc xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C uống rượu say và xảy ra cãi vã, chửi bới. Chị L hiện nay đi làm công ty, thường xuyên vắng mặt tại địa phương chỉ khi gia đình có công việc thì mới về gia đình. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải cho chị L và anh C rất nhiều lần để anh chị có cơ hội đoàn tụ với nhau, tuy nhiên chị L vẫn cương quyết ly hôn, anh C nhiều lần vắng mặt khi Tòa án tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh C không mong muốn hòa giải

đoàn tụ. Đồng thời, anh C cũng có ý kiến trường hợp chị L cương quyết ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị L là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung, HĐXX nhận định: Anh chị có ba con chung tên là Bàn Thị H1, sinh ngày 27/10/2002; Bàn Thu H2, sinh ngày 29/01/2005 và Bàn Quang D, sinh ngày 16/7/2010. Cháu H1 và cháu H2 hiện nay đã trưởng thành chị L và anh C không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Đối với cháu Bàn Quang D, sinh năm 2010 quá trình giải quyết ly hôn chị L có ý kiến, trường hợp anh chị ly hôn sẽ giao cháu D cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C có ý kiến, trường hợp nếu vợ chồng ly hôn thì anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bàn Quang D; anh không đề nghị chị Triệu Thị L cấp dưỡng. Đồng thời, cháu D cũng có nguyện vọng được ở với bố là anh Bàn Văn C. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 giao cháu Bàn Quang D, sinh ngày 16/7/2010 cho anh Bàn Văn C trực tiếp, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Triệu Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Triệu Thị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Bàn Văn C không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

**X:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị L về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” đối với anh Bàn Văn C.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Triệu Thị L được ly hôn với anh Bàn Văn C.

**2. Về con chung:** Giao cháu Bàn Quang D, sinh ngày 16/7/2010 cho anh Bàn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Triệu Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Triệu Thị L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001432 ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001093752 ngày 03

tháng 4 năm 2024 ký bởi Công ty cổ phần T). Anh Bàn Văn C không phải nộp án phí.

**4. Về quyền kháng cáo:** Các đương vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Trung Yên;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Tuấn Linh**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đinh Thị Hạnh – Ma Thị Thu Loan**

**Lê Tuấn Linh**







